

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 59/2024/DS-ST

Ngày: 26/4/2024

V/v Tranh chấp HĐ vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đăng L.

2. Ông Nguyễn Văn C.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Hữu T, sinh năm 1990. CCCD Số: 001090035248, cấp ngày 21/7/2021, tại Cục cảnh sát. SĐT: 0981261290. Có mặt.

Nơi thường trú: Thôn CB, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1990. CCCD Số: 001090011488, cấp ngày 10/7/2021, tại Cục cảnh sát. SĐT: 0989866622. Vắng mặt.

Nơi thường trú: Thôn TN, xã DN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2024 cùng các bản khai và hòa giải ngày 08/4/2024 của nguyên đơn là anh Đỗ Hữu T trình bày thì:

Anh và anh Nguyễn Tuấn L là bạn học cấp 3 với nhau. Ngày 26/3/2021 anh L hỏi vay anh số tiền 240 triệu đồng để làm ăn. Hai bên thỏa thuận lãi suất

theo ngân hàng nhà nước quy định và hạn đến ngày 20/7/2021, anh L phải hoàn trả cho anh số tiền trên. Hết ngày 20/7/2021 anh L không thanh toán được ngày 31/8/2021 đến khát nợ tiếp tục hỏi vay thêm 200 triệu đồng nữa và trình bày hạn đến ngày 31/10/2021 sẽ bán đất trả toàn bộ số nợ cho anh. Vì tình cảm bạn bè và tin tưởng nhau nên anh đồng ý tiếp tục cho anh L vay thêm 200 triệu đồng, tổng cộng là 440 triệu. Đến hạn nhưng anh L không chịu trả, sau nhiều lần yêu cầu anh L trả nợ thì tháng 4/2021 anh L mới trả được 10 triệu đồng. Khoảng cuối năm 2023 trả tiếp 30 triệu đồng anh L và bố anh L xin trừ vào tiền gốc của khoản vay 240 triệu đồng anh đồng ý, còn lại 200 triệu đồng.

Nay anh đề nghị anh L trả cho anh cả hai khoản vay tổng cộng 400 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất chậm trả do ngân hàng nhà nước quy định cụ thể:

- Khoản vay 240 triệu đồng ngày 26/3/2021, còn lại 200 triệu đồng tiền gốc, tiền lãi tính từ ngày 01/5/2021 đến nay.

- Khoản vay 200 triệu đồng ngày 31/8/2021 tiền lãi tính từ ngày 01/9/2021 đến nay.

Tại các bản khai và biên bản hòa giải ngày 08/4/2024 của bị đơn là anh Nguyễn Tuấn L trình bày thì:

Anh và anh Đỗ Hữu T là bạn bè với nhau. Từ năm 2019 đến năm 2020 anh đã nhiều lần vay tiền của anh T để làm ăn riêng, không liên quan đến vợ và gia đình anh. Mỗi lần vay khoảng vài chục triệu đồng. Lãi suất khoảng hơn 1%/tháng, anh không nhớ rõ. Sau đó anh có trả cho anh T được một vài tháng tiền lãi, còn tiền gốc thì chưa trả. Quá trình vay tiền do làm ăn không gặp nên anh không thể trả nợ cho anh T được nên anh T liên tục đòi nợ và ép anh phải viết giấy vay tiền ngày 26/3/2021 với số tiền nợ là 240 triệu đồng thực tế là cả tiền gốc và lãi. Sau đó do làm ăn thất bát vì quá túng quẫn nên anh có thương lượng và thỏa thuận lại với anh T là cho anh xin tiền lãi. Do đó ngày 30/8/2021 anh có viết “Giấy vay tiền” để chốt số nợ còn lại là 200 triệu đồng, hạn đến 30/10/2021 anh sẽ trả toàn bộ. Đến tết âm lịch năm 2023 anh đã trả được cho anh T tổng cộng 40 triệu đồng còn lại 160 triệu đồng, hai bên không thỏa thuận gì về lãi suất. Khi viết giấy vay tiền này anh có nói với anh T hủy bỏ giấy vay tiền ngày 26/3/2021. Sau đó anh T đã không hủy bỏ giấy cũ mà nay lại mang cả hai giấy vay ra để kiện anh, anh không đồng ý. Anh công nhận cả hai giấy vay tiền phần chữ viết tay bằng bút mực đều do anh tự viết và ký nhận dưới mục “Người vay”. Khi viết giấy cũng chỉ có anh với anh T, không có ai chứng kiến. Về tài liệu, chứng cứ: Ngoài văn bản về việc anh trả số tiền 30 triệu đồng vào ngày 11/01/2023 và các tin nhắn trong điện thoại, anh không có tài liệu nào khác để giao nộp cho Tòa.

Nay anh chỉ thừa nhận còn nợ lại anh T 200 triệu đồng của khoản vay ngày 26/3/2021 còn khoản vay ngày 30/8/2021 anh không thừa nhận và xin trả dần vì hiện tại rất khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình xây dựng hồ sơ và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã T thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ được các bên cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hữu T. Buộc anh Nguyễn Tuấn L phải trả cho anh Đỗ Hữu T số tiền gốc là 400 triệu đồng và tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Hữu T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn L hiện đang cư trú tại xã DN, huyện TT nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 170 và 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đều từ chối không đến Tòa là đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, vi phạm nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72, Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Do có mối quan hệ là bạn bè học cùng phổ thông nên từ năm 2019 anh Nguyễn Tuấn L đã nhiều lần vay tiền của anh Đỗ Hữu T để làm ăn. Hai bên đã thiết lập 02 Giấy vay tiền” cụ thể:

[2.1]. Giấy vay tiền ngày 26/3/2021 nội dung:

“ Hôm nay, ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại địa chỉ số nhà 29 xóm CB- CN -TT- TT-HN

Tên tôi là: Nguyễn Tuấn L; giới tính: Nam. Sinh ngày 02/12/1990. Dân tộc: Kinh; quốc tịch Việt Nam. Số CMTT: 001090011488 cấp ngày 10/7/2021 tại địa chỉ thường trú: DN -TT-Hà Nội. Chỗ ở hiện tại: DN – TT – Hà Nội.

.....

Để giải quyết công việc cá nhân tôi có vay của anh (chị) Đỗ Hữu T CN– TT – Hà Nội số tiền là 240.000.000 đồng (viết bằng chữ) Hai trăm bốn mươi triệu đồng.

Thời hạn vay từ ngày 26 tháng 3 năm 2021 Đến ngày 20 tháng 7 năm 2021

Phương thức cho vay bằng tiền mặt. Mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định pháp luật của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay.

Kể từ thời điểm tôi (tức 26/3/2021) ký vào giấy vay tiền này, tôi xác nhận đã nhận đủ số tiền do anh (chị) Đỗ Hữu T chuyển giao. Nếu đến thời hạn cam kết tôi không trả đủ anh (chị) Đỗ Hữu T số tiền trên, tôi tự nguyện để anh (chị) có toàn quyền lấy bất kỳ tài sản gì thuộc quyền sở hữu của tôi để đòi trừ khoản nợ trên hoặc khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

.....

Tôi đã nhận đủ số tiền 240 triệu đồng do anh T chuyển khoản và một số tiền mặt”.

Người vay và người cho vay đều ký tên.

[2.2]. Giấy vay tiền ngày 30/8/2021 nội dung:

“Hôm nay, ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại địa chỉ số nhà 29 xóm CB- CN

Tên tôi là: Nguyễn Tuấn L; giới tính: Nam. Sinh ngày 02/12/1990. Dân tộc: Kinh; quốc tịch Việt Nam. Số CMTT: 001090011488 cấp ngày 10/7/2021 tại cục CS. Địa chỉ thường trú: DN -TT-Hà Nội. Chỗ ở hiện tại: DN – TT – Hà Nội”

.....

“Để giải quyết công việc cá nhân tôi có vay của anh (chị) Đỗ Hữu T thôn 3- CN-TT-HN Số tiền là 200.000.000 đồng (viết bằng chữ) Hai trăm triệu đồng. Thời hạn vay từ ngày 31 tháng 8 năm 2021, đến ngày 31 tháng 10 năm 2021. Phương thức cho vay bằng tiền mặt. Mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định pháp luật của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay.

Kể từ thời điểm tôi (tức 26/3/2021) ký vào giấy vay tiền này, tôi xác nhận đã nhận đủ số tiền do anh (chị) Đỗ Hữu T chuyển giao. Nếu đến thời hạn cam kết tôi không trả đủ anh (chị) Đỗ Hữu T số tiền trên, tôi tự nguyện để anh (chị) có toàn quyền lấy bất kỳ tài sản gì thuộc quyền sở hữu của tôi để đòi trừ khoản nợ trên hoặc khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

.....

Tôi đã nhận đủ số tiền 200 triệu đồng trong tình trạng tỉnh táo bt, không ai ép buộc (200.000.000VNĐ)(Hai trăm triệu đồng chẵn)”

Người vay và người cho vay đều ký tên.

[2.3]. Xét các giấy vay tiền trên do các bên thỏa thuận là tự nguyện phù hợp với quy định tại các Điều 116,117,119, 401, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về phía anh L cho rằng anh chỉ vay anh T 1 lần 200 triệu đồng, vì quá túng quẫn và do anh T ép nên ngày 26/3/2021 anh đã viết giấy nhận nợ tổng cộng cả gốc và lãi thành 240 triệu đồng, sau khi thương lượng anh đã chốt lại số nợ là 200 triệu đồng vào ngày 30/8/2021. Đến tết âm lịch năm 2023 anh đã trả được cho anh T tổng cộng 40 triệu đồng còn lại 160 triệu đồng, nhưng anh T không hủy bỏ giấy vay ngày 26/3/2021.

Căn cứ các giấy vay tiền đối chiếu tại các bản khai và hòa giải do anh L trình bày thì sự việc không thống nhất và logic có nhiều mâu thuẫn, khi thì trình bày có vay 240 triệu đồng, đã trả được 40 triệu đồng, còn lại 200 triệu đồng, khi thì trình bày có vay 200 triệu đồng đã trả được 40 triệu đồng, còn lại 160 triệu đồng.

Giấy vay tiền lập ngày 30/8/2021 với số tiền là 200 triệu đồng là giấy lập sau ngày 26/3/2021, với số tiền 240 triệu đồng. Do vậy không thể nói là cộng cả phần lãi vào gốc của số tiền vay 200 triệu đồng được. Mặt khác đến tết âm lịch năm 2023 anh L mới trả được cho anh T 2 lần tổng cộng 40 triệu đồng, trong khi đó anh L lại trình bày, sau khi trả được 40 triệu đồng thì hai bên thống nhất chốt lại số nợ còn 200 triệu đồng để hủy bỏ giấy vay ngày 26/3/2021. Do vậy các ý kiến trình bày của anh L là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định anh Nguyễn Tuấn L có vay của anh Đỗ Hữu T 2 khoản tiền trên tổng cộng là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) đã trả 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) còn lại 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) Buộc anh L phải thanh toán trả anh L số tiền trên.

[2.3]. Xét về về yêu cầu trả lãi:

Hai bên thỏa thuận lãi suất dựa trên quy định pháp luật tại thời điểm cho vay. Song không ghi cụ thể mức lãi là bao nhiêu. Anh L cho rằng đã trả lãi được một vài tháng đầu tiên, lãi suất khoảng hơn 1%/tháng anh không nhớ cụ thể, sau đó không trả nợ được thì anh xin lãi và viết giấy vay chốt nợ, anh T khẳng định anh L chỉ trả lãi của khoản vay từ năm 2019 và 2020, còn 2 khoản vay năm 2021 chưa trả được đồng lãi nào. Do hai bên không xác định rõ về lãi suất nên lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 468 quy định:

- Khoản 1: Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*”.

- Khoản 2 “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác*

định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ”

Vậy áp dụng khoản 2 lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $10\%/năm = 0,83\%/tháng$.

- Lãi suất 1 tháng phải thanh toán đối với số tiền gốc được xác định của cả 2 khoản vay là $200.000.000đ \times 0,83\% = 1.660.000đ$.

- Lãi suất 1 ngày phải thanh toán là $1.600.000đ : 30 \text{ ngày} = 55.333đ$.

Đối với khoản vay 240 triệu ngày 26/3/2021, đến tháng 01/2023 anh L mới trả được 40 triệu anh T đồng ý trừ vào số tiền gốc còn lại 200 triệu và tính lãi từ ngày 01/5/2021 đến nay là đã có lợi cho anh L. Vậy số tiền lãi của khoản vay ngày 26/3/2021 được tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày xét xử 26/4/2024 là 35 tháng 25 ngày = $(1.660.000 \text{ đồng} \times 35 \text{ tháng}) + (55.333 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày}) = 59.483.325 \text{ đồng}$.

Đối với khoản vay từ ngày 30/8/2021 đến ngày xét xử 26/4/2024 là 31 tháng 27 ngày = $(1.660.000 \text{ đồng} \times 34 \text{ tháng}) + (55.333 \text{ đồng} \times 27 \text{ ngày}) = 57.933.991 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền lãi của 2 khoản vay anh L phải trả cho anh T đến thời điểm xét xử là $59.483.325 \text{ đồng} + 57.933.991 \text{ đồng} = 117.417.316 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hữu T. Buộc anh Nguyễn Tuấn L phải trả cho anh Đỗ Hữu T tổng số tiền là 517.417.316đ (*năm trăm mười bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn ba trăm mười sáu đồng*) bao gồm: Tiền gốc là 400.000.000đồng, tiền lãi là 117.417.316 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của anh T được chấp nhận nên anh L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 24.696.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 274, 275, 278, 280, 463, 466, 468, Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hữu T.

Buộc anh Nguyễn Tuấn L phải thanh toán trả anh Đỗ Hữu T tổng số tiền Là: 517.417.316đ (*năm trăm mười bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn ba trăm mười sáu đồng*) bao gồm: Tiền gốc là 400.000.000đồng, tiền lãi là 117.417.316 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Đỗ Hữu T có đơn yêu cầu thi

hành án, thì hàng tháng anh Nguyễn Tuấn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Tuấn L phải chịu 24.696.000 đồng. *(hai bốn triệu sáu trăm chín sáu nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Đỗ Hữu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.800.000đ *(mười triệu tám trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu số 0017760 ngày 14/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Thiết

